

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/DS- ST
Ngày: 17- 8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐB**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Minh và ông Lý A Hợi;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đbm;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đ tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hợi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đbm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2017/TLST-DSTC ngày 20 tháng 02 năm 2017 về việc: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐST-DSTC ngày 31 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Quách Thị Tú C**; Địa chỉ: Số nhà 122, tổ dân phố 02, phường Th, thành phố Đbp, tỉnh Đbm, có mặt;

2. Bị đơn: Bà **Lâm Mỹ P**; Địa chỉ: Số nhà 09, tổ dân phố 13, phường Th, thành phố Đbp, tỉnh Đbm, có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Phạm ĐA**; Địa chỉ: Số nhà 56, tổ dân phố 05, phường N, thành phố Đbp, tỉnh Đbm, vắng mặt;

- Ông **Lê Viết Ch**; Địa chỉ: Số nhà 210, tổ dân phố 18, phường TT, thành phố Đbp, tỉnh Đbm, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Quách Thị Tú C trình bày:

Ngày 26/4/2011 bà Quách Thị Tú C có nợ tiền qua Chứng minh nhân dân để cho bà Lâm Mỹ P vay số tiền 178.800.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Đbp, tỉnh Đbm. Lý do bà C cho bà P vay tiền là do bà P và bà C có thỏa thuận bằng miệng là trong thời hạn một tháng, bà P sẽ dùng số tiền này trả nợ Ngân hàng, lấy số đỏ ra rồi cho bà C mượn số đỏ để vay tiền đồng thời sẽ trả bà C số tiền 178.800.000 đồng nói trên. Bà C và bà P không làm giấy tờ với nhau về việc này. Bà C có chứng cứ là Giấy nợ tiền ngày 26/4/2011 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Đbp, tỉnh Đbm. Bà C có số chứng minh nhân dân của bà P là do bà P cung cấp để bà C chuyển tiền.

Cho đến nay việc mượn số đỏ để vay tiền không thành, bà P cũng không trả cho bà C số tiền bà P đã nhận ở Ngân hàng. Vì vậy bà C yêu cầu bà P trả cho bà C số tiền 178.800.000 đồng bà C đã chuyển cho bà P. Theo đơn khởi kiện ban đầu, bà C yêu cầu bà P trả lãi với mức 1% một tháng, tính từ tháng 6/2011 đến tháng 2/2017 là 68 tháng bằng 121.584.000 đồng. Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, bà C rút yêu cầu về số tiền lãi nói trên.

Tại bản tự khai ngày 10/3/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Lâm Mỹ P trình bày:

Bà P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C vì không được sử dụng số tiền này. Trước ngày 26/4/2011 ông Lê Viết Ch (*Chồng bà P*) có gọi điện thoại cho bà P nói về việc bà C sẽ chuyển tiền vào số Chứng minh nhân dân của bà P, bà P không biết đó là tiền gì nhưng vẫn đồng ý. Ngày 26/4/2011 bà P đã rút số tiền 178.800.000 đồng do bà C chuyển đến, bù thêm vào một số tiền để trả nợ Ngân hàng và lấy số đỏ mang tên bà P và ông Ch về. Sau đó bà P đã lấy tiền của riêng cùng với tiền của con rể, đưa cho ông Ch toàn bộ số tiền đã rút. Ông Ch dùng số tiền đó vào việc gì bà P không biết. Bà P và ông Ch hiện đã ly hôn nhưng chưa giải quyết về số tiền này. Việc mọi người thỏa thuận cho mượn số đỏ để vay tiền hộ, bà P chỉ được biết khi ông Ch cầm số đỏ đi vay tiền không được, ông Ch mới nói với bà P.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Viết Ch trình bày:

Ông Ch và bà P là vợ chồng nhưng đã ly hôn từ năm 2015. Khoản tiền mà bà C khởi kiện việc giữa ông Ch và ông ĐA, không liên quan đến bà P. Lý do: Trước đây ông Ch làm quản lý cho Doanh nghiệp xây dựng tại Lai Châu của ông ĐA; khoảng năm 2011 - 2012 ông ĐA cùng ông Ch về Đ để giải quyết một số công việc của Doanh nghiệp nhưng không mang đủ tiền. Ông ĐA có mượn Giấy chứng minh nhân dân của vợ ông Ch lúc bấy giờ là bà Lâm Mỹ P để bà Quách Thị Tú C chuyển tiền qua Ngân hàng. Ông Ch là người gửi số chứng minh nhân dân của bà P cho bà C. Ông ĐA sợ bị Ngân hàng thu nợ nên không chuyển tiền vào tài khoản của mình. Bà P đã rút tiền đưa cho ông Ch. Ông Ch và ông ĐA có thỏa thuận việc cho ông ĐA mượn sổ đỏ của ông Ch, bà P để vay tiền; bà C và bà P không biết việc này. Sau khi lấy sổ đỏ về, ông Ch và ông ĐA đã cầm sổ đỏ đi vay tiền nhưng không được. Số tiền ông Ch nhận từ bà P, ông Ch đã cùng ông ĐA chi phí vào việc của Doanh nghiệp ông ĐA. Ông ĐA phải trả tiền cho ông Ch để ông Ch trả cho bà P. Ông Ch có tài liệu, chứng cứ về việc này nhưng chưa thu thập đủ nên chưa xuất trình cho Tòa án. Khi thu thập được chứng cứ, ông Ch sẽ khởi kiện đòi tiền ông ĐA.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm ĐA trình bày:

Ông Phạm ĐA và bà Quách Thị Tú C là vợ chồng nhưng đã ly hôn từ năm 2016. Tháng 4 năm 2011 bà C có chuyển cho bà P vay số tiền 178.800.000 đồng để bà P trả nợ Ngân hàng và lấy sổ đỏ ra. Tiền bà C chuyển cho bà P là tiền riêng của bà C. Thời gian này ông Ch làm quản lý công trình cho Doanh nghiệp của ông ĐA ở Lai Châu và có biết việc này. Ông Ch không sử dụng khoản tiền này vào việc của Doanh nghiệp ông ĐA, cũng không đưa tiền cho ông ĐA như ông Ch trình bày. Ông Ch và ông ĐA có đem sổ đỏ của ông Ch, bà P đi vay tiền nhưng không được. Tuy nhiên số tiền bà C đã chuyển, bà P chưa trả lại.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đbm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- **Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của Nguyên đơn:** Ngày 13/02/2017 bà Quách Thị Tú C nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Điện Biên. Sau khi bà C đã nộp tạm ứng án phí, ngày 20/02/2017 Tòa án nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Điện Biên đã thụ lý vụ án theo Điều 195 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- **Về thẩm quyền giải quyết:** Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà Quách Thị Tú C và bà Lâm Mỹ P (*cùng cư trú tại thành phố Đbp, tỉnh Đbm*) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- **Các vấn đề khác:** Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà C có liên quan đến ông Phạm ĐA và ông Lê Viết Ch nên Tòa án đã bổ sung những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời thông báo cho những người tham gia tố tụng khác cùng Viện kiểm sát được biết.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời khai của các đương sự thể hiện: Bà Quách Thị Tú C và ông Phạm ĐA, bà Lâm Mỹ P và ông Lê Viết Ch trước đây là vợ chồng. Ông Ch làm việc cho Doanh nghiệp của ông ĐA. Ngày 26/4/2011 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Đbp, tỉnh Đ bà C nộp số tiền 178.800.000 đồng vào số Chứng minh nhân dân của bà P. Số tiền này bà P đã rút ra, đem trả nợ Ngân hàng và lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ch, bà P đã thế chấp cho Ngân hàng trước đó về. Lời khai của các đương sự thể hiện, có việc chuyển tiền này là do ông Ch, ông ĐA và bà C có thỏa thuận bà C chuyển tiền cho bà P để trả nợ Ngân hàng, lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, sau đó thế chấp tiếp để lấy tiền cho ông ĐA vay lại, đồng thời trả luôn số tiền bà C đã chuyển; việc thỏa thuận này không lập thành văn bản. Tuy nhiên sau khi trả nợ Ngân hàng và lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, các bên không thực hiện được việc thế chấp để vay tiền cho nhau nhưng số tiền bà C đã chuyển cho bà P để thực hiện việc này chưa được hoàn trả. Vì vậy bà P phải trả cho bà C số tiền 178.800.000 đồng đã nhận của bà C theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Ông Ch cho rằng đã sử dụng tiền do bà P đưa vào công việc của Doanh nghiệp của ông ĐA, nên ông ĐA phải trả tiền cho ông Ch, để ông Ch trả cho bà P.

Tuy nhiên, ông Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết việc đòi tiền ông ĐA trong vụ án này vì chưa thu thập được chứng cứ, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Ông Ch có quyền khởi kiện vụ án khác để giải quyết yêu cầu đòi tiền ông ĐA của mình.

Trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi theo đơn khởi kiện ban đầu là 121.584.000 đồng, nên HĐXX đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án $178.800.000 \times 5\% = 8.940.000$ đồng. Trả lại cho bà C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố Tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị Tú C, bà Lâm Mỹ P phải trả cho bà Quách Thị Tú C số tiền 178.800.000 (*Một trăm bảy mươi tám triệu tám trăm nghìn*) đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về khoản tiền lãi 121.584.000 (*Một trăm hai mươi triệu năm trăm tám mươi tư nghìn*) đồng của bà Quách Thị Tú C.

3. Về án phí: Bà Lâm Mỹ P phải chịu 8.940.000 (*tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà Quách Thị Tú C số tiền 3.755.000 (*ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí giá ngạch đã nộp theo biên lai số 0001296 ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đbp, tỉnh Đbm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Quách Thị Tú C cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bà

Lâm Mỹ P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì bà Quách Thị Tú C và bà Lâm Mỹ P có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/8/2017), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung